

ĐỘ TIN CẬY CỦA NỘI DUNG VÀ TƯƠNG LAI CỦA VIỆC NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP VÀ XUẤT BẢN TRONG MÔI TRƯỜNG SỐ HOÁ

KATE WITTENBERG. “Credibility of content and the future of research, learning, and publishing in the digital environment”. *E-publishing magazine*, Vol. 10, No 1, Winter 2007.

MAI CHI dịch

Các cán bộ xuất bản và cán bộ thư viện cần hiểu phương pháp mà người học thế hệ ngày nay tìm kiếm và đánh giá thông tin, và môi trường mà những sinh viên này làm việc. Thông qua việc tập trung vào những vấn đề này, chúng ta có thể bắt đầu đánh giá vai trò của các chuyên gia thông tin trong môi trường mới này và hàm ý về truyền thông khoa học và xuất bản.

Điều gì ẩn sau việc hầu hết các sinh viên đại học thừa nhận rằng tìm kiếm bằng Google là lựa chọn đầu tiên trong tiến hành nghiên cứu, rằng MySpace và Facebook là những mô hình cho việc xây dựng cộng đồng đáng tin cậy với các sinh viên khác, và rằng thư viện trường đại học là nơi cho những dự án nhóm cơ sở và nhóm nghiên cứu hơn là nơi để tham khảo ý kiến thư viện viên? Nếu đây là cách thức mà hầu hết các sinh viên đang tìm kiếm, đánh giá và tiếp cận thông tin thì điều gì ẩn sau việc biết và đọc thông tin, vai trò của các chuyên gia thông tin trong đời sống, trong công việc của sinh

viên ngày nay và của lực lượng lao động ngày mai? Chúng ta có cần những phương thức mới để đào tạo sinh viên về cách để đánh giá tính tin cậy của thông tin mà họ đang tiếp cận không, hay có phải họ đang triển khai những chiến lược có hiệu quả đối với chính họ trong đánh giá lượng nội dung đồ sộ mà họ truy cập hay không?

Để trả lời những câu hỏi này, chúng ta cần hiểu phương pháp mà người học thế hệ ngày nay tìm kiếm và đánh giá thông tin, hiểu môi trường thực và ảo mà họ hoà nhập xã hội và học tập. Nếu các sinh viên của chúng ta bao gồm những người dùng tin số hoá được đào tạo về mặt kỹ thuật với mong muốn thực sự về mặt định dạng, chức năng và phát hành thông tin số hoá thì chúng ta cần xác định vai trò thích hợp cho giáo viên, cán bộ thư viện và cán bộ xuất bản trong môi trường thông tin của họ. Liệu chúng ta có nên cố gắng tái tạo y hệt những môi trường mạng đáng tin cậy để cho sinh viên làm quen, hoặc liệu chúng ta có nên

đáp ứng bằng cách hướng dẫn sinh viên những biện pháp mang tính truyền thống hơn đối với việc đánh giá thông tin không? Nói tóm lại, sự đáp ứng của chuyên gia còn cần thiết, đem lại những hệ thống mới mà người trẻ tuổi đã tạo ra để đánh giá độ tin cậy của thông tin mà họ bắt gặp hay không?

Bằng việc tập trung vào những vấn đề này, chúng ta có thể bắt đầu hiểu những chiến lược mà thanh niên sử dụng để đánh giá chất lượng và sự thích hợp của thông tin trực tuyến, vai trò đang tiến triển của các chuyên gia thông tin như thư viện viên và cán bộ xuất bản, tầm quan trọng của hành vi này đối với việc sử dụng thông tin số trong xã hội của chúng ta.

Khía cạnh quan trọng của chủ đề này liên quan đến mối quan hệ phức hợp giữa “thế giới đóng” của lớp học, và “thế giới mở” của Web.

Một lượng lớn thông tin có thể truy cập được hiện nay, hoặc có lợi hoặc cản trở nghiên cứu và học tập hiệu quả, phụ thuộc vào việc người dùng tin đánh giá như thế nào về chất lượng của thông tin này và sự phù hợp của nó đối với công việc của chính họ. Rõ ràng, khi các sinh viên muốn khai thác miễn phí tới một loạt nội dung và các công cụ có thể sử dụng được thông qua Web, thì người ta cũng thấy rõ ràng họ cần được hướng dẫn trong việc lựa chọn và đánh giá thông tin mà họ tìm thấy. Trong những môi trường xã hội dựa trên Web, những người trẻ tuổi sử dụng các cơ chế tìm phức tạp để xác định độ tin cậy của cá nhân, người muốn được gia nhập cộng đồng. Chính cộng đồng đó quyết định liệu có cấp phát cho một thành viên mới tham gia một địa vị mà được phép truy cập ở mức độ nào đó và hưởng đặc quyền kèm theo của nó (khả năng đọc và trao đổi tiểu sử trích

ngang, các thư điện tử, tham gia vào các cuộc tranh luận, vào nội dung đã được đưa lên mạng trước đó...) hay không. Nhiều sinh viên của các trường trung học và đại học thoả mãn với biện pháp đánh giá độ tin cậy này, nó mô phỏng, theo nhiều cách, các mô hình tin cậy lẫn nhau được sử dụng trong việc đánh giá tương tác xã hội (như, hỏi một người bạn về một người khác là liệu có ai thích anh không, nhóm mới nào tốt, hay liệu với một bí mật thì có ai đáng tin cậy không). Tuy nhiên câu hỏi rằng, liệu mô hình này sẽ được chuyển dịch vào việc đánh giá nội dung nghiên cứu và giáo dục không, vẫn chưa được trả lời.

Thật thú vị, hệ thống này dành để thiết lập tính tin cậy trong một môi trường mạng xã hội lại tồn tại đối lập hoàn toàn với hệ thống báo chí có uy tín từ trên xuống dưới vốn được giới học thuật sử dụng từ nhiều năm. Hệ thống truyền thống phó mặc cho người sử dụng xử lý quy trình đánh giá chất lượng, vì việc đánh giá được giải quyết trước, nội dung bao giờ cũng xuất hiện theo hình thức được xuất bản cuối cùng. Ở đây, quyền thiết lập tính tin cậy tùy thuộc vào nhà xuất bản, người lựa chọn những nhà phê bình có uy tín, giải thích lời phê bình của họ, và quản lý quá trình sửa chữa của tác giả. Hơn nữa, hệ thống định hướng xuất bản này có thể đối lập với mô hình đánh giá chất lượng dựa theo cộng đồng. Khi các sinh viên tiếp tục sử dụng và phát triển môi trường mạng, có lẽ nó là trường hợp của việc được các thành viên chấp nhận vào cộng đồng, mở rộng tính tin cậy có được thông qua các tạp chí uy tín bên ngoài. Khi tiến trình này phát triển, chúng ta có thể thấy được sự biến đổi rộng hơn trong đó việc học trở thành một quá trình tham gia vào cộng đồng hơn là việc tiếp nhận tri thức từ một “chuyên gia”. Trong trường hợp này, chúng ta sẽ phải đương đầu với vấn đề

làm thế nào để thừa nhận mạng lưới đang có uy tín, sự tham gia, và trao đổi để gia tăng giá trị mà không làm giảm tiêu chuẩn chất lượng trong ấn phẩm nghiên cứu hoặc ấn phẩm giáo dục.

Rõ ràng là các cơ chế thiết lập tính tin cậy đang trải qua sự phát triển nhanh chóng và thay đổi trong môi trường số hiện hành. Tuy nhiên, vẫn chưa rõ là ai sẽ tạo ra những mô hình mới. Liệu những người nắm toàn quyền về chất lượng nội dung theo truyền thống, như là các thư viện và các nhà xuất bản khoa học sẽ tăng cường đề xuất các cơ chế mới không, hay những người sử dụng sẽ thiết lập và thực hiện các hệ thống cho việc đánh giá tính tin cậy của chính họ? Nếu các thư viện và cộng đồng xuất bản có thể kết hợp chặt chẽ với sự tin cậy dựa vào cộng đồng trong việc tạo ra những nguồn lực khoa học và giáo dục mới, chúng ta có thể ở tư thế tiến về phía trước mạnh mẽ hơn rất nhiều. Tuy nhiên, việc phát triển các nguồn lực mới đòi hỏi thay đổi quan điểm bên trong các cộng đồng thư viện và xuất bản đã có. Các chuyên gia trong lĩnh vực này cần bắt đầu các cuộc thảo luận với những bên tham gia mới và các đối tác mới. Những người phát triển các cộng đồng xã hội dựa vào Web, những người phát triển các bộ máy tìm tin thương mại, các nhà sản xuất các thiết bị điện tử, và sinh viên sẽ tất yếu trở thành các nhà tư vấn và các cộng tác viên. Nghiên cứu thị trường (đối với các nhà xuất bản), và phát triển xa hơn (đối với các thư viện) cần chuẩn bị tập trung vào các nhóm thanh thiếu niên, tham gia trực tuyến vào xã hội mạng, và quan sát các sinh viên trường đại học, trung học hoà nhập xã hội và học tập trong các cộng đồng số hoá của họ để hiểu được thế giới trong đó họ sống và làm việc.

Việc định hướng theo những phương thức đang thay đổi mà người sử dụng thiết lập tính tin cậy sẽ đòi hỏi đổi mới một phần nội dung của người sản xuất và người lựa chọn. Việc kiểm nghiệm nhiều mô hình sử dụng thông tin sẽ mang tính quyết định. Ví dụ, một nhà xuất bản có thể tạo ra những nguồn Web cơ sở cho phép chuyển tiếp dễ dàng giữa việc dạy của người trợ giảng, sự chỉ dẫn đến tài liệu tương tự trong thư viện số, với việc kết nối đến một cộng đồng cộng tác viên trong đó sinh viên, giáo viên và các cán bộ thư viện đề xuất mong muốn về đối tượng nghiên cứu của họ. Trong môi trường như vậy, các sinh viên sẽ có thể lựa chọn xem lại tài liệu lớp học, tìm kiếm hoặc xem lướt qua những nguồn trong bộ sưu tập số, yêu cầu thư viện viên hướng dẫn, hoặc truyền đạt trực tiếp với sinh viên khác về giá trị của nguồn thông tin. Khi sinh viên có khả năng kiểm tra nguồn gốc, tính xác thực và bối cảnh phức tạp từ nguồn tin trong môi trường giáo dục của họ, các giáo viên, nhà xuất bản và nhà quản lý thư viện có thể hiểu được điều gì giúp các sinh viên đó trở thành người học có hiệu quả hơn. Một cuộc thử nghiệm như vậy cũng có thể giúp chúng ta hiểu được giá trị tương đối mà sinh viên gán vào giá trị thông tin của sinh viên khác, của giáo viên, của thư viện viên và của nhà xuất bản. Cuộc thảo luận cần tập trung rất ít vào kỹ thuật mà có lẽ tập trung nhiều hơn vào các vấn đề khó khăn như: sự thay đổi giả thuyết về độ tin cậy của nội dung, sự thừa nhận của người sử dụng (đặc biệt là những đại diện của thế hệ trẻ hơn) như là cộng tác viên tích cực tạo ra những loại nguồn lực giáo dục và xuất bản phẩm mới.

Tiếp đó, các cán bộ thư viện và cán bộ xuất bản cần chấp nhận bối cảnh mới về phương thức làm việc của họ. Họ phải tự mình xem xét giống như các nhà

nghiên cứu đóng vai trò dẫn đầu công cuộc đổi mới bằng cách đáp ứng sở thích và yêu cầu của những người sử dụng trẻ tuổi hơn. Thay vì khiển trách các sinh viên sử dụng MySpace và Google để truyền đạt thông tin với các sinh viên khác và tìm kiếm thông tin, họ nên cố gắng hiểu quy trình đang làm việc và xác định vai trò lớn hơn của họ, như người dẫn đầu, người hợp nhất cách hiểu của người sử dụng, quy trình học tập và giá trị của phát triển thông tin số có chọn lọc và biên tập. Dù điều này không có nghĩa là phục vụ cho mọi sở thích sinh viên nêu ra, nhưng nó có nghĩa là xem người sử dụng như đối tác, người có thể dẫn đến sự đổi mới bởi vì họ hiểu những phương thức mới trong đó mọi người tham gia

nghiên cứu, truyền tin và học tập. Bằng cách kết hợp mong muốn của người sử dụng này với ý kiến chuyên môn của cán bộ thư viện đưa đến việc tổ chức thông tin, lập bảng chỉ dẫn, bảo quản, truy cập và những nhà xuất bản có kinh nghiệm cung cấp tạp chí uy tín có liên quan, sự phát triển nội dung, thiết kế và phổ biến, những mô hình tổ chức thông tin kiểu mới và việc phát hành có thể được tạo ra. Đôi khi, sẽ là khó khăn vì phải vật lộn với những giả thuyết và thói quen mới do người sử dụng thông tin trẻ tuổi hơn bày tỏ. Tuy nhiên, gạt bỏ mong muốn của họ hoặc lơ đi thách thức sẽ có nghĩa là mất đi cơ hội đóng góp quan trọng cho thế giới của việc học tập và sử dụng thông tin mà thế hệ này sẽ tạo ra.

(tiếp theo trang 57)

Chương 4: *Mối quan hệ văn hoá Tày-Việt qua khảo sát, so sánh kiểu truyện người anh hùng chiến trận chống giặc ngoại xâm* (tr.154 - 194).

Tác giả luận án tập trung làm rõ một số nội dung như: Sự vận động mang tính qui luật tạo thành kiểu truyện phù hợp với hành trình lịch sử chống giặc ngoại xâm của cả dân tộc; Kết cấu của kiểu truyện người anh hùng chiến trận trong truyện kể dân gian Tày-Việt và Những motif đặc trưng của kiểu truyện.

Bằng phương pháp khảo sát, so sánh, đánh giá thẩm định các motif của kiểu truyện, tác giả luận án đã “nhận diện được sự tương đồng đặc biệt của các hình tượng người anh hùng chiến trận Tày, Việt”.

Theo tác giả luận án, trong thể loại truyền thuyết anh hùng, bên cạnh sự tương đồng về hình tượng nhân vật, về motif... tạo nên kiểu truyện còn là sự tương đồng về hình thức cấu tạo cốt

truyện chung, theo những công thức nghệ thuật truyền thống có sẵn như công thức mở đầu, công thức kết thúc, công thức xây dựng hình tượng nhân vật... Điểm quan trọng nhất để tạo nên sự tương đồng đó là do 2 tộc người Tày, Việt có cùng cội nguồn văn hoá, cùng giữ một trọng trách lịch sử, phải liên kết chống giặc ngoại xâm (tr.194)...

Chất hiện thực và chất lãng mạn tích cực đã hoà quyện với nhau trong hình tượng người anh hùng đấu tranh bảo vệ đất nước qua các motif cốt lõi trong mảng đề tài ngợi ca tinh thần chống xâm lăng của người Việt cũng như người Tày (tr.194).

Luận án đã bảo vệ thành công tại Hội đồng chấm Luận án cấp Nhà nước họp ngày 27/5/2007 tại Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

PHẠM VŨ
giới thiệu